

TÌNH HÌNH KINH TẾ XÃ HỘI Tháng 8 và 8 tháng năm 2014

I. CÔNG NGHIỆP

Ước tính chỉ số sản xuất công nghiệp tháng 8 tăng nhẹ so tháng 7, đạt 100,9%. Những ngành tăng so tháng trước: sản xuất chế biến thực phẩm (+16,4%); dệt (+15,8%); in (+9,0%); giấy (+7,0%); sản phẩm kim loại (+6,6%); trang phục (+4,8%); sản phẩm từ cao su và plastic (+4,6%); đồ uống (+3,7%)... Một số ngành giảm so tháng trước: xe có động cơ (-25,7%); hóa chất (-6,3%); thiết bị điện (-5,6%); da giày (-4,1%), thuốc (-2,7%)...

So với tháng 8/2013, chỉ số sản xuất công nghiệp ước tăng 7,1%.

Tính chung 8 tháng đầu năm, chỉ số sản xuất công nghiệp ước tăng 6,5% so với cùng kỳ. Trong đó: công nghiệp khai khoáng tăng 3,2%; công nghiệp chế biến tăng 6,5%; sản xuất phân phối điện tăng 6,2%; cung cấp nước và xử lý rác thải tăng 7,8%. Tình hình sản xuất ở một số ngành có tỷ trọng cao như sau:

Chỉ số phát triển công nghiệp một số ngành chủ yếu

	Tháng 8 so với tháng 7	Đơn vị tính: % 8 tháng so với cùng kỳ năm 2013
Tổng số	100,9	106,5
Chia theo ngành cấp 1		
1. Công nghiệp khai thác mỏ	99,1	103,2
2. Công nghiệp chế biến	100,9	106,5
3. SX và phân phối điện	103,3	106,2
4. Cung cấp nước và xử lý rác thải	99,3	107,8
Một số ngành chủ yếu		
1. Sản xuất chế biến thực phẩm	116,4	102,2
2. Sản xuất đồ uống	103,7	101,4
3. Sản xuất trang phục	104,8	112,2
4. Sản xuất da và SP liên quan	95,9	106,8
5. SX hóa chất và SP hóa chất	93,8	100,7
6. Sản phẩm từ cao su và plastic	104,6	100,9
7. SP. từ khoáng phi kim loại	101,4	102,9
8. Sản xuất SP điện tử	97,5	108,0
9. Sản xuất thiết bị điện	94,4	111,8
10. Sản xuất xe có động cơ	74,3	184,6

Theo ngành công nghiệp cấp 2, có 20/26 ngành tăng so với cùng kỳ năm trước. Trong đó những ngành có mức tăng cao như: xe có động cơ (+84,6%); phương tiện vận tải khác (+26,7%); giường, tủ, bàn, ghế (+18,2%); giấy (+13,0%); trang phục (+12,2%); sản phẩm kim loại (+11,1%); thiết bị điện (+11,8%); thuốc (+10,0%). Một số ngành có mức tăng khá là: khai thác và cung cấp nước (+8,7%); sản phẩm điện tử (+8,0%); da giày (+6,8%)... Một số ngành có mức tăng thấp hoặc giảm là: dệt (+2,5%); chế biến thực phẩm (+2,2%); đồ uống (+1,3%); kim loại (-23,5%); thuốc lá (-20,7%); in (-2,7%)...

Kết quả sản xuất 4 ngành công nghiệp trọng điểm: ước tháng 8 tăng 0,05% so với tháng 7; tăng 6,3% so với tháng 8 cùng kỳ. Tính chung 8 tháng tăng 7,5% so với cùng kỳ, cao hơn mức tăng chung của toàn ngành, bao gồm: ngành chế biến lương thực, thực phẩm tăng 1,7%, hóa dược cao su tăng 3,8%, điện tử tăng 7,7% và cơ khí chế tạo tăng 17,3%.

Chỉ số tồn kho toàn ngành thời điểm 1/8 so với thời điểm 1/7 tăng 4,2%. Những ngành có mức tồn kho tăng là: trang phục (+20,1%); dệt (+13,4%); đồ uống (+9,4%); in (+2,4%); sản phẩm từ cao su và plastic (+1,3%)... Những ngành có mức tồn kho giảm: da giày (-0,7%); thuốc lá (-0,9%); thiết bị điện (-10,1%); kim loại (-36,9%)...

Chỉ số tiêu thụ tháng 7 giảm 1,0% so với tháng 6; so với tháng cùng kỳ tăng 8,4%. Những ngành có mức tiêu thụ tăng so với tháng trước và tháng cùng kỳ: dệt, giấy, sản phẩm từ cao su và plastic, thuốc, da giày...

II. NÔNG, LÂM NGHIỆP, THỦY SẢN

1. Nông nghiệp

Sản xuất vụ hè thu: Tổng diện tích gieo trồng dự tính đạt 11.102 ha, tăng 2,6% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó: lúa 6.468 ha tăng 3,1%, năng suất ước đạt 42 tạ/ha, sản lượng ước đạt 27.168 tấn, tăng 3,1% so với cùng kỳ.

Rau các loại 3.198 ha, giảm 0,3%, năng suất ước tăng 3,4%, sản lượng 80.742 tấn, tăng 3,1% so với cùng kỳ; bắp 235 ha, tăng 164,9%...

Vụ mùa: lúa đã xuống giống 1.468 ha, trong đó có 126 ha trong giai đoạn đẻ nhánh; rau 1.796 ha, giảm 10% so với cùng kỳ (huyện Củ Chi 823 Ha, huyện Hóc Môn 403 ha).

Tình hình sinh vật gây hại trên cây trồng: tại Củ Chi có 138 ha lúa hè thu bị nhiễm sinh vật gây hại, trong đó ốc bươu vàng 41 ha, bọ trĩ 34 ha, sâu phao 20 ha...

2. Thủy sản: tại huyện Cần Giò

Sản lượng thủy sản tháng 8 ước đạt 4.947,6 tấn, tăng 19% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó, sản lượng nuôi trồng 2.553,6 tấn, tăng 31,5% (tôm thẻ chân trắng 1.186,4 tấn, tăng 15,1%; nghêu, sò, hào 1.071 tấn, tăng 72%); khai thác 2.394 tấn, tăng 8,1%.

Sản lượng thủy sản 8 tháng đầu năm ước đạt 31.533,9 tấn, tăng 7,4% so với cùng kỳ năm trước, trong đó nuôi trồng 17.170,8 tấn, tăng 16,1%; khai thác 14.363,1 tấn, giảm 1,5%.

Tình hình nuôi tôm: tính đến ngày 4/8, có 502 lượt hộ thả nuôi tôm sú giống với 107,8 triệu con, giảm 16,8% so với cùng kỳ; diện tích 3.067 ha, giảm 8,6%. Tôm thẻ chân trắng 1.907 lượt hộ thả nuôi với 779,9 triệu con giống trên diện tích 1.521,6 ha.

Dịch bệnh trên tôm: Từ đầu vụ đến nay, có 247 hộ nuôi có tôm bệnh trên diện tích 173,8 ha, thiệt hại 88,9 triệu con giống. Có 109 hộ với 75,6 ha được xử lý dập bệnh bằng thuốc của Quỹ phòng ngừa dịch bệnh, số còn lại hộ tự xử lý.

III. VỐN ĐẦU TƯ

1. Đầu tư xây dựng

Tổng vốn đầu tư xây dựng cơ bản trên địa bàn 8 tháng ước thực hiện 87.781 tỷ đồng, tăng 4% so với cùng kỳ năm trước (cùng kỳ tăng 2,8%).

Trong đó: Vốn từ ngân sách thành phố là 10.084,1 tỷ đồng, tăng 0,5% so với cùng kỳ. Cấp thành phố ước thực hiện 5.973 tỷ đồng, chiếm 59,2%; cấp quận huyện ước thực hiện 4.111,1 tỷ đồng, chiếm 40,8%.

Vốn đầu tư từ ngân sách địa phương

	Thực hiện 8 tháng (tỷ đồng)	So với cùng kỳ 2013 (%)
Tổng vốn đầu tư	10.084,1	100,5
Trong đó: Vốn sửa chữa lớn	639,8	93,3
Cấp thành phố	5.973,0	112,6
Trong đó: Vốn sửa chữa lớn	452,9	137,8
Cấp quận huyện	4.111,1	86,9
Trong đó: Vốn sửa chữa lớn	186,9	52,4

Trong tháng khối lượng thực hiện tập trung chủ yếu ở các dự án trường học để phục vụ cho năm học (2014 – 2015), cụ thể một số trường có khối lượng thực hiện cao như sau: Trường THPT Vĩnh Lộc B, Huyện Bình Chánh; Trường THCS Đông Thạnh, Huyện Hóc Môn; Trường tiểu học Thới Tam Thôn 1, Huyện Hóc Môn; Trường mầm non 13 phường 13, quận Bình Thạnh... Nhìn chung khối lượng thực hiện 8 tháng so với cùng kỳ có tốc độ tăng thấp.

Tình hình thực hiện một số công trình trọng điểm

- Dự án tuyến đường sắt Bến Thành – Suối Tiên: đang thi công nền móng và hạ tầng đoạn từ quận 2 đến Trạm 2, quận 9.

- Dự án đường cao tốc TP. HCM – ngã ba Dầu Giây, Hiện đang thi công tại nút tiếp giáp với đường Đại lộ Đông Tây (Mai Chí Thọ).

- Dự án đường vành đai Tân Sơn Nhất – Bình Lợi: Hiện còn vương khu nhà A74 tại phường Linh Tây

2. Tình hình cấp phép xây dựng nhà ở hộ dân cư

Tính đến cuối tháng 7, toàn thành phố đã cấp 28.067 giấy phép xây dựng và sửa chữa lớn, với diện tích sàn 5.478,8 ngàn m². Trong đó cấp cho xây dựng mới 27.368 giấy phép, với diện tích 5.407,6 ngàn m² và 699 giấy phép sửa chữa lớn, với diện tích 71,2 ngàn m².

So với cùng kỳ tăng 17,2% về giấy phép (+ 4.127) và tăng 19,4% về diện tích (+ 1.244,9 ngàn m²).

3. Tình hình cấp phép đầu tư nước ngoài

Từ đầu năm đến ngày 15/8, đã có 235 dự án có vốn nước ngoài được cấp giấy chứng nhận đầu tư trên địa bàn thành phố với tổng vốn đăng ký đạt 995,4 triệu USD (vốn điều lệ 711,7 triệu USD). Vốn đăng ký bình quân 1 dự án đạt 4,2 triệu USD.

Chia theo hình thức đầu tư: 100% vốn nước ngoài 170 dự án, vốn đầu tư đạt 478,2 triệu USD; liên doanh 65 dự án, vốn đầu tư đạt 517,2 triệu USD.

Chia theo ngành nghề: ngành công nghiệp chế biến, chế tạo 28 dự án, vốn đầu tư đạt 240 triệu USD, chiếm 24,1% tổng vốn đăng ký cấp mới; thương nghiệp 53 dự án, vốn đầu tư 186 triệu USD (chiếm 18,7%); hoạt động kinh doanh bất động sản 6 dự án, vốn đầu tư 386,9 triệu USD (chiếm 38,9%); hoạt động chuyên môn khoa học công nghệ 51 dự án, vốn đầu tư 155 triệu USD (chiếm 15,6%); thông tin truyền thông 59 dự án, vốn đầu tư 12,5 triệu USD; xây dựng 13 dự án, vốn đầu tư 4,3 triệu USD...

Chia theo đối tác đầu tư: có 35 quốc gia và vùng lãnh thổ có dự án đầu tư trên địa bàn; trong đó British Virgin Island là dẫn đầu về vốn đăng ký với 7 dự án, vốn đạt 346,3 triệu USD (chiếm 34,8%). Singapore 31 dự án, vốn đầu tư 222,9 triệu USD (chiếm 22,4%); Nhật Bản 51 dự án, vốn đầu tư 186 triệu USD (chiếm 18,7%); Samoa 2 dự án, vốn đầu tư 50,9 triệu USD (chiếm 5,1%); Hồng Kông 15 dự án, vốn đầu tư 50,2 triệu USD (chiếm 5%); Thái Lan 9 dự án, vốn đầu tư 17,6 triệu USD...

Điều chỉnh tăng vốn đầu tư 74 dự án, số vốn tăng 139 triệu USD. **Tổng vốn đầu tư cấp mới và điều chỉnh đến ngày 15/8 đạt 1.134,4 triệu USD** (cùng kỳ năm trước đạt 1.038,2 triệu USD). Chuyển trụ sở đi tỉnh thành khác, giải thể và rút phép trước thời hạn 32 dự án, vốn đầu tư 83,6 triệu USD.

4. Doanh nghiệp thành lập mới và ngừng hoạt động

4.1. Cấp phép thành lập doanh nghiệp (khu vực không có vốn nước ngoài)

Tính từ đầu năm đến 15/8 đã có 14.819 doanh nghiệp đăng ký thành lập mới; trong đó: 668 doanh nghiệp tư nhân, 1.563 công ty cổ phần và 12.588 công ty TNHH với tổng vốn đăng ký là 80.751 tỷ đồng. So với cùng kỳ năm 2013, số doanh nghiệp đăng ký thành lập mới giảm 12% (giảm 2.017 doanh nghiệp), nhưng số vốn đăng ký tăng 3,4% (tương đương 2.678 tỷ đồng)

Số doanh nghiệp thành lập của khu vực công nghiệp – xây dựng là 3.422 chiếm 23,1% trong tổng số doanh nghiệp mới thành lập, giảm 495 doanh nghiệp so với cùng kỳ; khu vực dịch vụ 11.301 doanh nghiệp chiếm 76,3%, giảm 1.552 doanh nghiệp.

Vốn đăng ký khu vực công nghiệp xây dựng chiếm 29,7%, vốn đăng ký bình quân 1 doanh nghiệp là 7 tỷ đồng. Vốn đăng ký khu vực dịch vụ chiếm 67,6%, vốn đăng ký bình quân 1 doanh nghiệp 4,8 tỷ đồng.

4.2. Doanh nghiệp ngừng hoạt động

Trong 7 tháng đầu năm có 14.199 doanh nghiệp ngừng nghỉ hoạt động, bằng 76,9% số doanh nghiệp tăng trong kỳ (bao gồm doanh nghiệp được cấp mã số thuế mới là 14.252 và doanh nghiệp tái hoạt động sau thời gian ngừng nghỉ là 4.206). So với 7 tháng cùng kỳ năm 2013, số doanh nghiệp ngừng nghỉ tăng 11,5%, riêng tháng 7 có hơn 4.000 doanh nghiệp ngừng nghỉ. Trong tổng số 14.199 doanh nghiệp ngừng hoạt động có 142 doanh nghiệp có vốn nước ngoài bằng 94% cùng kỳ và 14.021 doanh nghiệp ngoài nhà nước tăng 1,1% so cùng kỳ.

IV. NỘI THƯƠNG VÀ GIÁ TIÊU DÙNG

1. Nội thương

Tổng mức bán lẻ và doanh thu dịch vụ trên địa bàn thành phố tháng 8 ước đạt 54.882 tỷ đồng, tăng 0,9% so với tháng trước, tăng 13% so với tháng cùng kỳ.

Ước tính 8 tháng đầu năm, tổng mức bán lẻ hàng hoá và doanh thu dịch vụ đạt 420.777 tỷ đồng, tăng 12,7% so cùng kỳ năm 2013, chủ yếu tăng ở các ngành đồ dùng gia đình, phương tiện đi lại và xăng dầu. **Loại trừ biến động giá, lượng hàng hóa và dịch vụ tiêu dùng tăng 7,4%. Chia theo thành phần kinh tế:**

- Kinh tế nhà nước 61.379 tỷ đồng, chiếm 14,6%, tăng 10,4%.
- Kinh tế ngoài nhà nước 338.910 tỷ đồng, chiếm 80,5%, tăng 13%
- Kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài 20.487 tỷ đồng, chiếm 4,9%, tăng 13,9%.

Chia theo ngành kinh tế:

- Thương nghiệp 313.565 tỷ đồng, chiếm 74,5%, tăng 13,7%.
- Khách sạn, nhà hàng 45.804 tỷ đồng, chiếm 10,9%, tăng 9,9%.
- Dịch vụ 27.199 tỷ đồng, chiếm 6,5%, tăng 10,7%.
- Du lịch 12.830 tỷ đồng, chiếm 3%, tăng 14,1%.

Tổng mức bán lẻ và doanh thu dịch vụ phân theo ngành hàng

	Ước thực hiện 8 tháng (tỷ đồng)			% so sánh 8 tháng với cùng kỳ 2013		
	Trên địa bàn	K.tế trong nước	K.tế có vốn ĐTNN	Trên địa bàn	K. tế trong nước	K.tế có vốn ĐTNN
Tổng mức	420.777	400.289	20.487	112,7	112,6	113,9
Tr.đó: Thương nghiệp	313.565	305.035	8.529	113,7	113,2	133,0
Khách sạn	4.003	2.159	1.844	93,1	93,7	92,5
Nhà hàng	41.801	39.264	2.537	111,8	113,4	92,0
Dịch vụ du lịch lữ hành	12.830	11.458	1.372	114,1	114,1	114,1

Hoạt động du lịch: Doanh thu khách sạn và dịch vụ lữ hành 8 tháng 2014 ước đạt 16.832 tỷ đồng, chiếm 4% trong tổng mức bán lẻ hàng hóa và dịch vụ, tăng 8,3% so cùng kỳ.

2. Chỉ số giá

Chỉ số giá tiêu dùng tháng 8 tăng 0,05% so với tháng 7, giảm 0,07 điểm phần trăm so mức tăng tháng 7, tháng 7 tăng 0,12%. Trong 11 nhóm hàng có 5 nhóm hàng tăng giá: ăn và dịch vụ ăn (+0,32%), đồ uống và thuốc lá (+0,05%); may mặc (+0,10%), giáo dục (+0,01%); hàng hóa và dịch vụ khác (+0,17%); 4 nhóm hàng giảm giá: nhà ở điện nước chất đốt (-0,74%); thiết bị đồ dùng gia đình (-0,15%); giao thông (-0,02%) và văn hóa giải trí (-0,01%), nhóm thuốc dịch vụ y tế và bưu chính viễn thông không có biến động.

Trong tháng 8, giá điện nước tiếp tục giảm do nhu cầu tiêu dùng giảm, giá một số vật liệu bảo dưỡng sửa chữa nhà ở giảm nhẹ, đặc biệt giá gas giảm 1,68% đã ảnh hưởng lên mức giảm cao nhất của nhóm nhà ở điện nước chất đốt trong các nhóm hàng giảm giá (-0,74%). Giá xăng giảm (2 lần vào ngày 28/7 và 7/8) tuy chưa ảnh hưởng đến giảm giá dịch vụ vận tải công cộng tuy nhiên cũng đã tác động làm giảm giá nhóm hàng giao thông (-0,02%). Thịt lợn tăng trở lại sau khi giảm vào tháng trước, giá lương thực, thịt chế biến, thủy sản chế biến có tình hình tương tự, trứng tiếp tục tăng với mức cao (+3,08%) làm cho nhóm hàng ăn và dịch vụ ăn tăng cao nhất trong các nhóm hàng tăng giá.

Mức biến động giá một số hàng hóa trong tháng: lương thực tăng 0,24%, thịt heo tăng 1,87%, thịt bò tăng 0,55%, gia cầm tươi sống tăng 0,05%, thịt chế biến tăng 0,15%, thủy sản tươi sống tăng 0,94%, thủy sản chế biến tăng 0,25%, rau tươi khô chế biến các loại giảm 0,01%, trứng các loại tăng 3,08%, dầu mỡ ăn và chất béo khác giảm 0,18%, sữa giảm 0,1%, rượu bia các loại tăng 0,11%, gas giảm 1,68%; xăng dầu giảm 0,04%; du lịch trọn gói, dịch vụ ăn uống ngoài gia đình, dịch vụ y tế, giao thông công cộng không biến động.

So với tháng 8/2013 chỉ số giá tiêu dùng tăng 5,2%. Có 2 nhóm hàng giảm là bưu chính viễn thông (-0,96%) và văn hóa giải trí (-1,33%). 9 nhóm hàng còn lại đều tăng, trong đó nhóm hàng ăn và dịch vụ ăn tăng 3,54%; thuốc và dịch vụ y tế tăng 8,57%; nhà ở điện nước chất đốt tăng 1,94%; giao thông tăng 1,58%.

So với tháng 12/2013, giá tiêu dùng tăng 1,27% xấp xỉ mức tăng 8 tháng năm 2013 (+1,26%), với mức tăng cao nhất của nhóm thuốc và dịch vụ y tế là +8,53% do điều chỉnh tăng giá dịch vụ y tế, giao thông là nhóm có mức tăng xếp thứ hai (+2,85%) chủ yếu do xăng dầu tăng (+4,91%), xếp thứ ba là nhóm hàng ăn và dịch vụ ăn uống (+2,13%) trong đó thực phẩm tăng 3,59%. Như vậy bình quân 1 tháng trong 8 tháng đầu năm 2014 chỉ số giá tiêu dùng tăng 0,16%.

Chỉ số giá bình quân 8 tháng đầu năm 2014 so với cùng kỳ tăng 4,93% (8 tháng năm 2013 tăng 2,98%)

V. XUẤT - NHẬP KHẨU

1. Xuất khẩu

Tổng kim ngạch xuất khẩu hàng hóa của các doanh nghiệp trên địa bàn tháng 8 ước đạt 2.248,2 triệu USD, tăng 12,9% so với tháng trước, giảm 2% so cùng kỳ.

Ước tính 8 tháng đầu năm, tổng kim ngạch xuất khẩu hàng hóa đạt 18.565,3 triệu USD, tăng 2,3% so cùng kỳ năm trước (+424,8 triệu USD).

Trong đó:

- Kinh tế nhà nước chiếm 34,2%, tăng 9,1%
- Kinh tế ngoài nhà nước chiếm 29,4%, giảm 5,2%
- Kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài chiếm 36,4%, tăng 2,9%.

Loại trừ trị giá dầu thô, trị giá xuất khẩu 8 tháng đầu năm ước đạt 13.242,1 triệu USD, tăng 0,1%. Trong đó khu vực kinh tế nhà nước tăng 13,6%.

Mức xuất khẩu của các thành phần kinh tế (Không tính dầu thô)

	Kim ngạch (Triệu USD)		% so sánh	
	Tháng 8 2014	8 tháng 2014	Tháng 8 với tháng 7	8 tháng so cùng kỳ 2013
Tổng số	1.428,2	13.242,1	95,2	100,1
Kinh tế trong nước	671,2	6.484,4	95,4	97,4
Kinh tế Nhà nước	98,5	1.025,2	90,7	113,6
Kinh tế Ngoài nhà nước	572,7	5.459,2	96,2	94,8
Kinh tế có vốn nước ngoài	757,0	6.757,7	95,0	102,9

Chia theo nhóm hàng:

Nhóm hàng nông sản chiếm 19% trong tổng kim ngạch không tính dầu thô, tăng 4,1% so cùng kỳ, Hàng thủy hải sản chiếm 3,4%, tăng 10,4%. Hàng lâm sản chiếm 2,4%, tăng 19,5%; Nhóm hàng công nghiệp chiếm 68%, giảm 2%. Nhóm hàng hóa khác chiếm 7,2%, tăng 1,1%.

Chia theo thị trường xuất khẩu: Thị trường Mỹ chiếm 15,5% trong tổng kim ngạch kể cả dầu thô, giảm 2,9% so cùng kỳ; Nhật Bản chiếm 16,6%, tăng 3,7%; Trung Quốc 11,2%, tăng 15,4%; Australia 9,3%, tăng 56,2%; Malaysia 6,4%, giảm 36,9%; Singapore 3,4%, tăng 37,2%...

Một số mặt hàng xuất khẩu chủ yếu so với cùng kỳ:

+ Gạo: 1.598,5 ngàn tấn, trị giá 744,2 triệu USD, chiếm tỷ trọng 5,6% trong tổng kim ngạch xuất khẩu không tính dầu thô, tăng 8%. Thị trường Philippin chiếm 49,7%, tăng 3,7 lần so cùng kỳ; Trung Quốc chiếm 18,9%, giảm 17,8%; Mỹ 6%, tăng 4,6 lần; Singapore 5,4%, tăng 65,6%...

+ Cà phê: 243,8 ngàn tấn, trị giá 489,2 triệu USD, chiếm 3,7%, tăng 7,2%.

+ Thủy sản: 451,6 triệu USD, chiếm 3,4%, tăng 10,4%.

+ May mặc: 3.259,3 triệu USD, chiếm 24,6%, tăng 10%. Trong đó khu vực có vốn đầu tư nước ngoài chiếm 48,3%, tăng 13,3%; khu vực trong nước chiếm 51,7% tăng 7,1%. Thị trường chủ yếu vẫn là Mỹ, Nhật và Hàn Quốc.

+ Giày dép: 1.267 triệu USD, chiếm 9,6%, tăng 1,6%. Trong đó khu vực có vốn đầu tư nước ngoài chiếm 77,5%, giảm 1,4%; khu vực trong nước chiếm 22,5% tăng 13,4%.

+ Máy tính, sản phẩm điện tử và linh kiện: 1.595,6 triệu USD, chiếm 12,1%, giảm 17%. Khối doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài chiếm 99,3% giảm 16,3%; khu vực trong nước chiếm 0,7%, giảm 61,7%.

Riêng dầu thô 5.323 triệu USD, chiếm 28,7% trong tổng kim ngạch xuất khẩu, tăng 8,3%.

2. Nhập khẩu

Kim ngạch nhập khẩu hàng hoá của các doanh nghiệp trên địa bàn thành phố tháng 8 ước thực hiện 1.605 triệu USD, giảm 12,6% so với tháng trước và giảm 10,8% so tháng cùng kỳ.

Ước tính 8 tháng đầu năm, kim ngạch hàng hoá nhập khẩu đạt 15.606,6 triệu USD, giảm 9,1% so với cùng kỳ 2013. Kinh tế nhà nước chiếm 8,3%, giảm 41,9%; Kinh tế ngoài nhà nước chiếm 54,9%, giảm 9,1%; kinh tế có vốn nước ngoài chiếm 36,8%, tăng 4,2%.

Mức nhập khẩu của các thành phần kinh tế

	Kim ngạch (Triệu USD)		% so sánh	
	Tháng 8	8 tháng	Tháng 8 với tháng 7	8 tháng so cùng kỳ 2013
Tổng số	1.605,0	15.606,6	87,4	90,9
Kinh tế Nhà nước	115,0	1.296,1	88,9	58,1
Kinh tế Ngoài nhà nước	842,8	8.572,3	85,6	90,9
Kinh tế có vốn nước ngoài	647,2	5.738,2	89,5	104,2

Chia theo thị trường nhập khẩu: Thị trường Trung Quốc chiếm 21% trong tổng kim ngạch nhập khẩu, giảm 7,4% so cùng kỳ; Singapore 13,4%, tăng 57,4%; Mỹ 6%, tăng 27,2%; Nhật Bản 7,1%, tăng 7,9%; Đài Loan 7,2%, tăng 15,4%; Thái Lan 5,8%, giảm 1,8%; Hàn Quốc 7,1%, tăng 15,8%...

Một số mặt hàng nhập khẩu chủ yếu so cùng kỳ:

- + Nhiên liệu: 483,5 triệu USD, chiếm 3,1%, tăng 58,3%
- + Hóa chất 370 triệu USD, chiếm 2,4%, tăng 10,3%.
- + Các SP hóa chất 534 triệu USD, chiếm 3,4%, tăng 4,3%.
- + Dược phẩm 650,2 triệu USD, chiếm 4,2%, tăng 9%.
- + Chất dẻo đạt 1.029,3 triệu USD, chiếm 6,6%, tăng 9,5%.
- + Vải các loại 1.457,7 triệu USD, chiếm 9,3%, tăng 13,5%

- + Nguyên phụ liệu dệt, may, da giày 539 triệu USD, chiếm 3,5%, tăng 18,3%.
- + Máy móc thiết bị, dụng cụ phụ tùng 2.081,4 triệu USD, chiếm 13,3%, tăng 27,7%
- + Sữa và sản phẩm sữa nhập khẩu 321,7 triệu USD, chiếm 2,1%, giảm 5,1%.
- + Sắt thép đạt 700 triệu USD, chiếm 4,5%, giảm 3,1%.
- + Máy vi tính, sản phẩm điện tử và linh kiện 1.876,2 triệu USD, chiếm 12%, giảm 12,8%.

VI. VẬN TẢI

1. Vận tải hàng hóa và hành khách

Tổng doanh thu vận tải hàng hóa và hàng khách tháng 8 ước đạt 5.426,1 tỷ đồng, tăng 1,1% so với tháng trước và tăng 14,7% so với cùng kỳ 2013.

Ước tính 8 tháng đầu năm đạt 39.561,0 tỷ đồng, tăng 14,9% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó khu vực nhà nước chiếm 12,7%, tăng 7,6%; ngoài nhà nước chiếm 82%, tăng 16,9%, có vốn đầu tư nước ngoài chiếm 5,3%, tăng 4,4%.

Doanh thu vận chuyển hàng hóa và hành khách 8 tháng đầu năm

	Doanh thu (tỷ đồng)		% so sánh 8 tháng với cùng kỳ 2013	
	Hàng hóa	Hành khách	Hàng hóa	Hành khách
Tổng số	27.215,3	12.345,8	115,1	114,4
<i>*Phân theo khu vực kinh tế</i>				
Kinh tế nhà nước	4.158,4	884,4	108,2	105,1
Kinh tế ngoài nhà nước	22.911,5	9.519,6	116,7	117,2
Kinh tế có vốn nước ngoài	145,4	1.941,8	87,5	105,9
<i>*Phân theo phương tiện vận tải</i>				
Trong đó : Đường bộ	15.058,2	10.419,3	116,8	116,2
Đường sông	2.594,2	230,3	116,7	124,6
Đường biển	9.522,3		112,4	
Hàng không	40,6	1.696,2	92,0	103,4

* **Vận tải hàng hóa:** Doanh thu 27.215,3 tỷ đồng, tăng 15,1% so cùng kỳ. Vận tải đường bộ chiếm 55,3%, tăng 16,8%. Vận tải đường biển chiếm 35%, tăng 12,4%.

* **Vận tải hành khách:** Doanh thu 8 tháng đầu năm ước đạt 12.345,8 tỷ đồng, tăng 14,4% so cùng kỳ. Vận tải đường bộ chiếm 84,4%, tăng 16,2%, đường hàng không chiếm 13,7%, tăng 3,4%.

2. Hàng hóa qua cảng

Tổng lượng hàng hóa thông qua cảng sông và cảng biển tháng 8 ước thực hiện 7.254,1 nghìn tấn, giảm 1,2% so tháng trước và tăng 16,5% so với tháng 8/2013. 8 tháng đầu năm ước đạt 54.492,6 nghìn tấn, tăng 14% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó hàng hoá xuất khẩu 20.813,5 nghìn tấn, chiếm 38,2%, tăng 14,1%; hàng nhập khẩu 24.832,4 nghìn tấn, chiếm 45,6%, tăng 15,9%.

Hàng hoá thông qua cảng

	Ước thực hiện (nghìn tấn)		% so sánh	
	Tháng 8	8 tháng	Tháng 8 so tháng 7	8 tháng so với cùng kỳ 2013
Tổng số	7.254,1	54.492,6	98,8	114,0
<i>* Phân theo loại cảng</i>				
Cảng biển	7.055,8	52.927,5	98,7	113,4
Cảng sông	198,3	1.565,1	101,9	138,7
<i>* Phân theo loại hàng bốc xếp</i>				
Hàng xuất khẩu	2.815,9	20.813,5	99,3	114,1
Hàng nhập khẩu	3.420,1	24.832,4	98,1	115,9
Hàng nội địa	1.018,1	8.846,7	99,7	108,9

VII. TÀI CHÍNH – NGÂN HÀNG

1. Tài chính:

Tổng thu ngân sách Nhà nước 8 tháng ước thực hiện 172.482,7 tỷ đồng, đạt 75,5% dự toán, tăng 14,7% so cùng kỳ. Trong đó thu nội địa 92.858,3 tỷ đồng, đạt 74,8% dự toán, tăng 19,8% so cùng kỳ; thu từ dầu thô 20.824,6 tỷ đồng, đạt 76,3% dự toán, tăng 1,7% so cùng kỳ; thu từ hoạt động xuất nhập khẩu 57.000 tỷ đồng, đạt 76,2% dự toán, tăng 16,7%.

Thu ngân sách trên địa bàn

	Năm 2014 (Tỷ đồng)		% thực hiện 8 tháng năm 2014 so với	
	Dự toán	Ước TH 8 tháng	Dự toán	Cùng kỳ năm 2013
Tổng thu	228.340	172.482,7	75,5	114,7
Tổng thu cân đối ngân sách NN	226.300	170.683,0	75,4	116,2
I- Thu nội địa	124.200	92.858,3	74,8	119,8
Trong đó:				
1. Doanh nghiệp nhà nước	23.950	18.596,6	77,6	117,3
2. Khu vực ngoài nhà nước	29.500	21.380,5	72,5	109,8
3. Khu vực có vốn đầu tư nước ngoài	33.745	25.294,5	75,0	126,9
II- Thu hoạt động xuất nhập khẩu	74.800	57.000,0	76,2	116,7
III- Thu từ dầu thô	27.300	20.824,6	76,3	101,7

Thu từ doanh nghiệp nhà nước 8 tháng ước thực hiện 18.596,6 tỷ đồng, chiếm 20% tổng thu nội địa, tăng 17,3% so cùng kỳ. Trong đó: Doanh nghiệp nhà nước trung ương ước thực hiện 11.556 tỷ đồng, đạt 80,5% dự toán, tăng 21,6%; Doanh nghiệp nhà nước địa phương 7.040,6 tỷ đồng, đạt 73,3% dự toán, tăng 10,9%. Thu từ khu vực ngoài nhà nước 21.380,5 tỷ đồng, chiếm 23%, tăng 9,8%. Thu từ khu vực đầu tư nước ngoài đạt 25.294,5 tỷ đồng, chiếm 27,2%, tăng 26,9%. Thu khác đạt 27.586,8 tỷ đồng, tăng 24%; trong đó thuế thu nhập cá nhân 12.579,1 tỷ đồng, giảm 1,3%, thu tiền sử dụng đất 6.353,2 tỷ đồng, tăng 113,9%.

Thu ngân sách nhà nước địa phương 8 tháng ước đạt 34.375,5 tỷ đồng, đạt 83,6% dự toán, tăng 15,2% so cùng kỳ năm 2013.

Tổng chi ngân sách địa phương (trừ tạm ứng) 8 tháng ước thực hiện 27.014 tỷ đồng, đạt 64,4% dự toán, tăng 4,1% so cùng kỳ.

Chi ngân sách địa phương

	Năm 2014 (Tỷ đồng)		% thực hiện 8 tháng năm 2014 so với	
	Dự toán	Ước TH 8 tháng	Dự toán	Cùng kỳ năm 2013
Tổng chi (trừ tạm ứng)	41.979,3	27.014,0	64,4	104,1
Trong đó:				
I- Chi đầu tư phát triển	11.145,9	10.811,7	97,0	127,5
II- Chi thường xuyên	29.500,0	15.876,0	53,8	103,3
Trong đó:				
Sự nghiệp kinh tế	4.080,3	1.525,7	37,4	73,6
Sự nghiệp giáo dục đào tạo	8.296,2	4.747,7	57,2	110,8
Sự nghiệp y tế	3.269,7	1.823,6	55,8	115,3
Quản lý hành chính	4.608,4	2.778,0	60,3	110,8

Chi đầu tư phát triển 10.811,7 tỷ đồng, đạt 97% dự toán, tăng 27,5% so cùng kỳ. Chi thường xuyên đạt 15.876 tỷ đồng, tăng 3,3% so cùng kỳ; trong đó, chi sự nghiệp kinh tế 1.525,7 tỷ đồng, giảm 26,4%; chi sự nghiệp giáo dục đào tạo 4.747,7 tỷ đồng, tăng 10,8%; chi sự nghiệp y tế 1.823,6 tỷ đồng, tăng 15,3%; chi quản lý hành chính 2.778 tỷ đồng, tăng 10,8%; chi đảm bảo xã hội tăng 20,3%; chi sự nghiệp nghiên cứu khoa học tăng 47,3%.

Tổng chi ngân sách nhà nước địa phương kể cả tạm ứng 8 tháng ước 43.818,9 tỷ đồng, vượt 4,4% dự toán, tăng 5,3% so cùng kỳ.

2. Tín dụng ngân hàng:

- Tổng vốn huy động trên địa bàn thành phố đến đầu tháng 8 đạt 1.209,6 ngàn tỷ đồng, tăng 0,3% so với tháng trước (chỉ số này tháng trước: 2,8%); so với tháng cùng kỳ tăng 14,8%. Vốn huy động của các Ngân hàng Thương mại cổ phần chiếm 56,2% tổng vốn huy động, tăng 16,8% so tháng cùng kỳ. Vốn huy động bằng ngoại tệ chiếm 15,6% tổng vốn huy động, tăng 11,0% so tháng cùng kỳ; vốn huy động VNĐ chiếm 84,4% tổng vốn huy động, tăng 15,6% so tháng cùng kỳ. Tiền gửi tiết kiệm chiếm 56,2%, tăng 16,9% so với tháng cùng kỳ.

- Tổng dư nợ tín dụng trên địa bàn thành phố đến đầu tháng 8 đạt 993,4 ngàn tỷ đồng, tăng 1,4% so với tháng trước, thấp hơn chỉ số của tháng 7 (+2,2%); so với tháng 12/2013 tăng 4,2%; so với tháng cùng kỳ dư nợ tăng 10,8%.

Dư nợ tín dụng của các Ngân hàng Thương mại cổ phần đạt 550,9 ngàn tỷ đồng, chiếm 55,5% tổng dư nợ, tăng 13,4% so tháng cùng kỳ. Dư nợ tín dụng bằng ngoại tệ đạt 167,9 ngàn tỷ đồng, chiếm 16,9% tổng dư nợ, tăng 7,8% so tháng cùng kỳ. Dư nợ tín dụng bằng VNĐ đạt 825,5 ngàn tỷ đồng, chiếm 83,1% tổng dư nợ, tăng 11,4% so

tháng cùng kỳ. Dự nợ tín dụng trung, dài hạn chiếm 48,6%, tăng 20,4% so tháng cùng kỳ. Dự nợ tín dụng ngắn hạn chiếm 51,4%, tăng 3,0% so tháng cùng kỳ.

3. Thị trường chứng khoán

Đến cuối tháng 07/2014, tổng số mã chứng khoán được phép giao dịch khớp lệnh là 304 gồm 302 mã cổ phiếu và 2 mã chứng chỉ quỹ, tăng 4 mã chứng khoán so với cuối tháng 06/2014 (ngày 08/07 mã cổ phiếu SKG, CLL giao dịch ngày đầu tiên; ngày 14/07 mã cổ phiếu MWG giao dịch ngày đầu tiên; ngày 21/07 mã cổ phiếu SHP giao dịch ngày đầu tiên). Giá trị thị trường của các chứng khoán niêm yết là 1.060.432,71 tỷ đồng, tăng 25,9% so với cuối năm 2013. Trong tháng 07/2014 có 23 phiên giao dịch, 15 phiên tăng điểm và 8 phiên giảm điểm. Đến cuối tháng, VN-Index đạt 596,07 điểm, tăng 91,44 điểm (tương ứng tăng 18,1%) so với cuối năm trước và tăng 17,94 điểm (tương ứng tăng 3,1%) so với cuối tháng trước.

Khối lượng giao dịch của tháng 07/2014 đạt 2.415,83 triệu chứng khoán, tăng 32,9% so với tháng 06/2014. Giá trị giao dịch của tháng đạt 39.553,48 tỷ đồng, tăng 39,8% so tháng 06/2014. Trung bình mỗi phiên có 105,04 triệu chứng khoán được chuyển nhượng với giá trị 1.719,72 tỷ đồng. Khối lượng giao dịch trung bình mỗi phiên tăng 21,3% và giá trị giao dịch tăng 27,6% so với tháng 06/2014.

Trong năm 2014, VN-Index đạt mức thấp nhất vào ngày 02/01 với 504,51 điểm và đạt mức cao nhất vào ngày 24/03 với 607,55 điểm.

Giao dịch chứng khoán trên thị trường niêm yết

	Kết quả giao dịch		% so sánh	
	Tháng 07/2014	7 tháng năm 2014	Tháng 07 so tháng 06	7 tháng so cùng kỳ
Tổng khối lượng giao dịch (triệu CK)	2.415,83	16.150,13	132,9	184,1
<i>Chia theo loại chứng khoán:</i>				
Cổ phiếu	2.415,59	16.132,79	133,1	185,5
Trái phiếu	0,00	15,50	0,0	81,6
Chứng chỉ quỹ	0,24	1,84	171,4	3,3
<i>Chia theo hình thức giao dịch:</i>				
Giao dịch khớp lệnh	2.236,64	15.209,33	133,8	191,8
Giao dịch thỏa thuận	179,19	940,80	122,4	111,4
Tổng giá trị giao dịch (tỷ đồng)	39.553,48	270.867,94	139,8	179,7
<i>Chia theo loại chứng khoán:</i>				
Cổ phiếu	39.551,09	269.498,54	140,8	181,3
Trái phiếu	0,00	1.352,00	0,0	88,7
Chứng chỉ quỹ	2,39	17,40	173,2	3,0
<i>Chia theo hình thức giao dịch:</i>				
Giao dịch khớp lệnh	34.595,82	239.628,40	141,3	191,5
Giao dịch thỏa thuận	4.957,66	31.239,54	130,2	122,0

Cập nhật đến ngày 15/08/2014, tổng số chứng khoán được phép giao dịch khớp lệnh là 304 chứng khoán. Giá trị thị trường của các chứng khoán niêm yết là 1.076.945,02

tỷ đồng, tăng 27,8% so với cuối năm 2013. VN-Index tại ngày 15/08 đạt 604,24 điểm, tăng 99,61 điểm so với cuối năm 2013 (tương ứng tăng 19,7%).

VIII. HOẠT ĐỘNG VĂN HÓA XÃ HỘI

1. Trật tự an toàn xã hội (Từ 16/06/2014 đến 15/07/2014)

* **Vi phạm kinh tế:** Đã phát hiện và xử lý 100 vụ. Trong đó: buôn bán vận chuyển hàng hóa không có hóa đơn chứng từ (10 vụ); kinh doanh hàng hóa trái phép, trốn thuế (21 vụ); mua bán hàng cấm (44 vụ); kinh doanh hàng ngoại nhập lậu (11 vụ); sản xuất, buôn bán hàng giả (10 vụ); án khác (04 vụ). Thu giữ hàng hóa trị giá khoảng 3,09 tỷ đồng.

Phát hiện và xử lý 43 trường hợp vi phạm các quy định bảo vệ môi trường của các cơ sở sản xuất kinh doanh tại các khu công nghiệp, khu chế xuất, cơ sở hoạt động sản xuất kinh doanh giết mổ gia súc, chế biến thực phẩm, các công ty, doanh nghiệp thu gom chất thải và các hệ thống xử lý chất thải. Ra quyết định xử lý vi phạm hành chính 37 vụ, thu về khoảng 3,99 tỷ.

* **Vi phạm hình sự:** Trong tháng đã xảy ra 503 vụ, tăng 3,7% so với cùng kỳ năm trước, làm chết 05 người, bị thương 49 người, thiệt hại tài sản giá trị khoảng 21,8 tỷ đồng. Các vụ phạm pháp hình sự chủ yếu là: giết người 05 vụ, cướp tài sản 29 vụ, cướp giật 81 vụ, cố ý gây thương tích 36 vụ, trộm cắp tài sản 294 vụ, cưỡng đoạt tài sản 03 vụ, hiếp dâm – giao cấu trẻ em 07 vụ, lừa đảo lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản 29 vụ, chống người thi hành công vụ 03 vụ, án khác 16 vụ... Số vụ đã được điều tra khám phá là 315 vụ, bắt 382 người vi phạm.

- Hoạt động phòng chống tệ nạn xã hội:

+ **Ma túy:** Đã phát hiện 133 vụ; trong đó, mua bán - tàng trữ: 106 vụ, với 206 người vi phạm; sử dụng trái phép các chất ma túy: 27 vụ, với 100 người vi phạm. Đã khởi tố 105 vụ với 166 người vi phạm, xử lý hành chính 28 vụ với 138 người vi phạm.

+ **Mại dâm và các tệ nạn xã hội khác:** Đã triệt phá 06 vụ tổ chức mua bán dâm lợi dụng kinh doanh nhà trọ, khách sạn, massage, karaoke để hoạt động, xử lý 28 người vi phạm. Kiểm tra, lập biên bản 123 cơ sở dịch vụ giải trí vi phạm quy định.

+ **Cờ bạc, cá độ:** Đã phát hiện và lập hồ sơ xử lý 69 vụ tổ chức cờ bạc với 335 người tham gia, (trong đó có 35 vụ cá độ bóng đá), thu giữ khoảng 586 triệu đồng và nhiều tài sản khác.

- **Trật tự an toàn giao thông:** Đã lập biên bản hành chính và xử phạt trên 41,8 ngàn trường hợp vi phạm Luật giao thông đường bộ, tạm giữ hơn 5,1 ngàn xe các loại, tước giấy phép lái xe trên 5,3 ngàn trường hợp, xử lý khoảng 1,3 ngàn trường hợp vi phạm về đội nón bảo hiểm, 1,6 ngàn trường hợp có nồng độ cồn vượt quá giới hạn cho phép khi lưu thông trên đường... thu nộp ngân sách nhà nước trên 16,1 tỷ đồng.

+ **Tai nạn giao thông đường bộ:** Xảy ra 338 vụ, giảm 21,9% so với tháng trước, tăng 2,8% so với cùng kỳ năm trước, làm chết 50 người, bị thương 327 người.

- **Tình hình cháy, nổ:** Đã xảy ra 13 vụ cháy, giảm 6 vụ so với tháng trước, giảm 38 vụ so với cùng kỳ năm trước, không có người chết, bị thương 03 người, thiệt hại tài sản trị giá ước khoảng 22 triệu đồng. (trong đó có 03 vụ chưa ước tính được thiệt hại thành tiền). Nguyên nhân cháy chủ yếu là do sự cố và vi phạm các quy định trong sử dụng điện.

Trong tháng trên địa thành phố không xảy ra vụ nổ nào.

2. Tình hình giải quyết việc làm

Trong tháng 8, các khu vực kinh tế trên địa bàn thành phố đã thu hút và giải quyết việc làm cho 24,4 ngàn người, tăng 2,1% so với tháng trước. Trong đó, số lao động có việc làm ổn định là 16,3 ngàn người, chiếm 67,1% so với số lao động được giải quyết việc làm. Số chỗ làm mới tạo ra là 8,3 ngàn.

Tính chung 8 tháng đầu năm 2014, đã có 191,4 ngàn lao động được giải quyết việc làm, đạt 72,2% so với kế hoạch. Trong đó, lao động có việc làm ổn định là 123 ngàn người. Số chỗ việc làm mới tạo ra là 72,5 ngàn chỗ làm, đạt 60,4% kế hoạch.

3. Thực hiện bảo hiểm thất nghiệp

Từ ngày 07/7 đến ngày 08/8, trên địa bàn thành phố đã có 12,4 ngàn người đến Trung tâm giới thiệu việc làm thành phố đăng ký thất nghiệp, số người nộp hồ sơ hưởng bảo hiểm thất nghiệp là 11,8 ngàn người. Đã có 13,9 ngàn người nhận quyết định hưởng trợ cấp thất nghiệp (gồm cả những trường hợp từ tháng trước chuyển qua). Tư vấn và giới thiệu việc làm cho khoảng 10,6 ngàn người và hỗ trợ học nghề cho 1.276 người.

Trên đây là tình hình kinh tế - xã hội của thành phố Hồ Chí Minh tháng 8 và 8 tháng năm 2014.

CỤC THÔNG KÊ TP. HỒ CHÍ MINH
PHÒNG THÔNG KÊ TỔNG HỢP
ĐT: 38 299 838, 38 244 733